

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày: 27-4-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ông Phạm Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn D, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1985;

Địa chỉ: ấp KIB, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Bùi Văn D: Chị Phạm Thanh T, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1990, đại diện theo giấy uỷ quyền ngày 13 tháng 02 năm 2023 (có mặt);

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1981 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp XD2, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 13/02/2023 của anh Bùi Văn D và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Bùi Văn D trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh Bùi Văn D có tham gia góp hội do chị Nguyễn Thị H làm chủ 02 dây hội như sau: Dây hội mở ngày 29/8/2018 âm lịch, loại hội 20.000.000 đồng, gồm có 13 phần, 06 tháng mở 01 lần (Hội mùa, 01 năm mở 02 lần), hội có hoa hồng 10.000.000 đồng thì chi trả cho chủ hội 10.000.000 đồng tiền hoa hồng, anh Bùi Văn D tham gia góp 01 phần, góp được 08 lần hội sống với số tiền vốn góp vào là 79.400.000 đồng, thì chị Nguyễn Thị H tuyên bố bế hội không góp nữa, nếu như anh Bùi Văn D được lĩnh hội sống với số tiền là 160.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 10.000.000 đồng, còn lại là 150.000.000 đồng; Dây hội mở ngày 08/01/2021 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 08 hàng tháng, hội có hoa hồng 2.500.000 đồng thì chi trả cho chủ hội 2.500.000 đồng tiền hoa hồng, anh Bùi Văn D tham gia góp 01 phần, góp được 13 lần hội sống với số tiền vốn góp vào là 46.490.000 đồng, thì chị Nguyễn Thị H tuyên bố bế hội không góp nữa, nếu như anh Bùi Văn D được lĩnh hội sống với số tiền là 65.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại là 62.500.000 đồng. Tổng số tiền 02 dây hội nói trên, chị Nguyễn Thị H còn nợ anh Bùi Văn D số tiền hội vốn góp vào là 125.890.000 đồng, nếu như được lĩnh hội sống với số tiền là 212.500.000 đồng nhưng sau đó anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Thị H có thoả thuận chị Nguyễn Thị H trả cho anh Bùi Văn D số tiền hội là 142.500.000 đồng và chị Nguyễn Thị H có trả cho anh Bùi Văn D được 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H trả không đúng theo thoả thuận. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Bùi Văn D số tiền góp hội còn nợ là 202.500.000 đồng, trả đến hết năm nay đủ số tiền nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:*

Chị có tổ chức làm chủ hội nhiều dây để tạo vốn xoay vòng cho anh chị em ở lân cận, quá trình làm chủ hội các hội viên không góp hội, đến tháng 7/2021 âm lịch thì chị tuyên bố bế hội không góp nữa, chị làm chủ không có đăng ký ở chính quyền địa phương, có lập sổ hội gửi cho các hội viên tham gia 01 danh sách pho tô để hội viên theo dõi. Trong đó anh Bùi Văn D có tham gia góp 03 dây hội như sau: Dây hội mở ngày 29/8/2018 âm lịch, loại hội 20.000.000 đồng, gồm có 13 phần, 06 tháng mở 01 lần (Hội mùa, 01 năm mở 02 lần), chủ hội nhận hoa hồng 10.000.000 đồng, anh Bùi Văn D tham gia góp 01 phần, anh Bùi Văn D góp được

08 lần hội sống thì chị tuyên bố bể hội không góp nữa, theo như hội vốn góp anh Bùi Văn D góp vốn góp vào số tiền là 79.400.000 đồng, nếu như anh Bùi Văn D lĩnh hội sống với số tiền là 160.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 10.000.000 đồng, còn lại là 150.000.000 đồng; Dây hội mở ngày 08/01/2021 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 08 hàng tháng, chủ hội nhận hoa hồng 2.500.000 đồng, anh Bùi Văn D tham gia góp 01 phần, góp được 13 lần hội sống thì chị tuyên bố bể hội không góp nữa, theo như hội vốn góp anh Bùi Văn D góp vào số tiền là 46.490.000 đồng, hội được lĩnh là 65.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại là 62.500.000 đồng. Tổng số tiền chị còn nợ anh Bùi Văn D nêu trên theo như hội vốn góp vào là 125.890.000 đồng, theo như được lĩnh hội sống số tiền là 212.500.000 đồng, sau khi bể hội chị và anh Bùi Văn D có thoả thuận chị trả cho anh Bùi Văn D số tiền hội là 142.500.000 đồng, mỗi mua trả 10.000.000 đồng, 01 năm trả 20.000.000 đồng, chị trả được 10.000.000 đồng còn nợ lại anh Bùi Văn D 132.500.000 đồng nhưng thoả thuận không có làm văn bản giấy tờ và biên nhận gì. Nay chị đồng ý trả cho anh Bùi Văn D vốn góp vào là 132.500.000 đồng, chị xin bớt tiền lãi hội sống, hẹn trả mỗi năm 20.000.000 đồng trả cho đến khi hết số nợ nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Bùi Văn D và Phạm Thanh T (Bản phô tô); 02 sổ hội các ngày 29 tháng 8 năm 2018 âm lịch và ngày 08 tháng 01 năm 2021 âm lịch, chủ hội H (Bản phô tô); Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị H (Bản phô tô).

** Tại phiên tòa:*

Chị Phạm Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Bùi Văn D xác định, anh Bùi Văn D tham gia góp hội do chị Nguyễn Thị H làm chủ, số tiền 02 dây hội vốn góp vào là 142.500.000 đồng, nếu theo hội sống được lĩnh là 212.500.000 đồng, trả được 10.000.000 đồng, còn lại 202.500.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Bùi Văn D số tiền 02 dây hội sống là 150.159.675 đồng (Hội vốn 132.500.000 đồng + lãi chậm trả 132.500.000 đồng x 0,833%/ tháng x 16 tháng), trả từ nay đến hết năm 2023 đủ số tiền nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H xác định chị làm chủ hội, sau khi bể hội chị và anh Bùi Văn D có thoả thuận chị trả cho anh Bùi Văn D số tiền hội vốn góp vào là 142.500.000 đồng, mỗi mua trả 10.000.000 đồng, 01 năm trả 20.000.000 đồng, chị trả được 10.000.000 đồng còn nợ lại anh Bùi Văn D 132.500.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho anh Bùi Văn D vốn góp vào và tiền lãi chậm trả 10%/ tháng từ

ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến nay ngày 27/4/2023 tính tròn 16 tháng là 150.159.675 đồng (Hụi vốn 132.500.000 đồng + lãi chậm trả 132.500.000 đồng x 0,833%/ tháng x 16 tháng), chị xin bớt tiền lãi hụi sống, chị hẹn trả mỗi năm 20.000.000 đồng trả cho đến khi hết số nợ nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Bùi Văn D khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị H trả tiền hụi còn nợ. Bị đơn cư trú tại: ấp XD2, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hợp đồng góp hụi giữa anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Thị H xác lập bằng lời nói, hụi có lãi và có hoa hồng, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực sổ hụi, không ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân; ngày tháng năm sinh, mức hưởng hoa hồng của chủ họ trong họ hưởng hoa hồng, lãi suất trong họ có lãi; quyền và nghĩa vụ của chủ họ là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biều, phường, nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biều, phường.

Xét khởi kiện của anh Bùi Văn D và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Bùi Văn D yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả cho anh Bùi Văn D số tiền hụi được lĩnh là 202.500.000 đồng (212.500.000 đồng - 10.000.000 đồng), trả từ nay đến hết năm 2023 đủ số tiền nói trên; chị Nguyễn Thị H thừa nhận chị còn nợ tiền hụi anh Bùi Văn D theo hụi vốn góp vào là 142.500.000 đồng, theo hụi sống được lĩnh là 212.500.000 đồng nhưng chị Nguyễn Thị H trả cho anh Bùi Văn D được 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 132.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể sổ hụi mở các ngày 29/8/2018 âm lịch và ngày 08/01/2021 âm lịch xác định được, anh Bùi Văn D tham gia góp hụi do chị Nguyễn Thị H làm chủ là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa

nhận theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Thị H đều thừa nhận, sau khi chị Nguyễn Thị H tuyên bố bãi nại, chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn D thoả thuận chị Nguyễn Thị H trả cho anh Bùi Văn D số tiền hồi vốn góp vào là 142.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị H trả cho anh Bùi Văn D được 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 132.500.000 đồng là sự tự nguyện định đoạt, không có sự ép buộc, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định pháp luật, phù hợp theo quy định tại Điều 192 và Điều 194 Bộ luật dân sự. Do đó, anh Bùi Văn D và chị Phạm Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Bùi Văn D khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả cho anh Bùi Văn D số tiền hồi vốn được lĩnh là 202.500.000 đồng (212.500.000 đồng - 10.000.000 đồng) là không có cơ sở chấp nhận, vì trước đó anh Bùi Văn D đã định đoạt và thoả thuận với chị Nguyễn Thị H trả tiền hồi vốn góp vào.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Thị H thống nhất thoả thuận chị Nguyễn Thị H trả cho anh Bùi Văn D số tiền hồi vốn góp vào và tiền lãi chậm trả 10%/ năm (0.833%/ tháng) từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến nay ngày 27 tháng 4 năm 2023, tính tròn 16 tháng là 150.159.675 đồng (Hồi vốn 132.500.000 đồng + lãi chậm trả 132.500.000 đồng x 0,833%/ tháng x 16 tháng) nên ghi nhận tự thoả thuận giữa chị Phạm Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Thị H nhưng chị Phạm Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Thị H không thống nhất được thời gian và phương thức trả số tiền hồi vốn nói trên nên buộc chị Nguyễn Thị H trả số tiền trên khi bản án có hiệu lực pháp luật, điều kiện trả theo quy định pháp luật thi hành án dân sự.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn D và ghi nhận thoả thuận giữa chị Phạm Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Thị H, buộc chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho anh Bùi Văn D số tiền hồi vốn theo thoả thuận là số tiền hồi vốn góp vào và tiền lãi chậm trả 10%/ năm (0.833%/ tháng) từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến nay ngày 27 tháng 4 năm 2023, tính tròn 16 tháng là 150.159.675 đồng (Hồi vốn 132.500.000 đồng + lãi 132.500.000 đồng x 0,833%/ tháng x 16 tháng)

theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 3, khoản 4 Điều 18 và khoản 1 Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, họ, biểu, phường.

[3] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 192, Điều 194, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, họ, biểu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Bùi Văn D số tiền họ theo thỏa thuận là 150.159.675 đồng (Một trăm năm mươi triệu một trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.507.980 đồng (150.159.675 đồng x 5%).

Anh Bùi Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh Bùi Văn D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.062.500 đồng theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0003924 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/4/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

Trần Văn Thảo